

Ansøgning

Motiverende Omslags Brev

Motiverende Omslags Brev - Åbning

Vietnamesisk

Thưa ông,

Formel, mandelig modtager, navn ukendt

Nederlandsk

Geachte heer

Thưa bà,

Formel, kvindelig modtager, navn ukendt

Geachte mevrouw

Thưa ông/bà,

Formel, modtager navn og køn ukendt

Geachte heer, mevrouw

Thưa các ông bà,

Formel, når man henvender sig til adskillige ukendte mennesker eller en hel afdeling

Geachte dames en heren

Thưa ông/bà,

Formel, modtager/modtagere navn og køn fuldstændig ukendt

Geachte dames en heren

Kính gửi ông Nguyễn Văn A,

Formel, mandelig modtager, navn ukendt

Geachte heer Jansen

Kính gửi bà Trần Thị B,

Formel, kvindelig modtager, gift, navn ukendt

Geachte mevrouw Jansen

Kính gửi bà Trần Thị B,

Formel, kvindelig modtager, single, navn ukendt

Geachte mevrouw Jansen

Kính gửi bà Trần Thị B,

Formel, kvindelig modtager, navn ukendt, civilstatus ukendt

Geachte mevrouw Jansen

Gửi ông (Nguyễn Văn) A,

Mindre formel, en der har handlet med modtageren før

Beste meneer Jansen

Tôi viết thư này để ứng tuyển vào vị trí... được
quảng cáo trên... vào ngày...

Standard formular til at ansøge et job hvis jobopslag du så i en avis eller et blad

**Hierbij solliciteer ik naar de vacature van ... die u in ...
op ... gepubliceerd heeft.**

Tôi xin liên hệ với ông/bà về vị trí... được quảng
cáo vào ngày...

Standard formular brugt til at svare på et jobopslag opslået online

Naar aanleiding van uw vacature op ... schrijf ik u ...

Ansøgning

Motiverende Omslags Brev

Tôi xin phép liên hệ về quảng cáo tuyển dụng của ông/bà trên... đăng ngày...

Standard formular brugt til at forklare hvor du fandt jobopslaget for et arbejde

Naar aanleiding van uw vacature in ... van ...

Qua tạp chí/tập san... số..., tôi được biết công ty ông/bà đang tuyển nhân sự cho vị trí... mà tôi rất quan tâm.

Formular brugt til at søge et job efter at have set jobopslaget i et blad eller tidsskrift

Met grote interesse heb ik de vacature gelezen voor de positie van een ervaren ... in de editie ... van ...

Tôi rất vinh hạnh được ứng tuyển vị trí... mà công ty ông/bà đang quảng cáo.

Standard formular til at søge et job

Graag solliciteer ik naar de door u uitgeschreven vacature, omdat ...

Tôi muốn được ứng tuyển vào vị trí...

Standard formular til at søge et job

Ik solliciteer naar de functie van ...

Hiện nay tôi đang làm việc tại..., và công việc của tôi bao gồm...

Brugt som en åbnings sætning til at beskrive din nuværende erhvervmæssige stilling og hvad det involverer

Op dit moment werk ik voor Mijn werkzaamheden bestaan uit ...

Motiverende Omslags Brev - Argumentation

Vietnamesisk

Tôi rất quan tâm tới công việc này vì...

Brugt til at forklare hvorfor du gerne vil have et bestemt arbejde

Nederlandsk

Ik ben zeer geïnteresseerd in deze baan, omdat ...

Tôi muốn được làm việc tại công ty của ông/bà để...

Brugt til at forklare hvorfor du gerne vil have et bestemt arbejde

Ik zou graag voor u willen werken, om ...

Các thế mạnh của tôi là...

Brugt til at vise hvad dine hoved egenskaber er

Mijn sterke punten zijn ...

Một (số) điểm yếu của tôi là... Nhưng tôi luôn cố gắng không ngừng để khắc phục những mặt hạn chế này.

Brugt til at reflektere dine svahgeder, men også for at vise at du er målrettet på at forbedre disse områder

Ik denk dat ... mijn zwakke punten zijn. Maar ik werk eraan dit gebied/deze gebieden te verbeteren.

Tôi cảm thấy mình phù hợp với vị trí này bởi vì...

Brugt til at forklare hvad der gør dig til en god kandidat til jobbet.

Ik ben geschikt voor deze functie, omdat ...

Ansøgning

Motiverende Omslags Brev

Mặc dù chưa từng có kinh nghiệm làm việc trong...,
tôi đã từng...

Brugt hvis du aldrig har haft chancen for at arbejde indenfor et bestemt område, men kan demonstrere kvaliteter fra andre erfaringer du har haft

Ofschoon ik geen ervaring heb in ..., heb ik wel ...

Trình độ/Kĩ năng chuyên môn của tôi rất phù hợp
với các yêu cầu mà công việc ở Quý công ty đề ra.

Brugt til at forklare hvilke færdigheder der gør dig til en god kandidat til jobbet

**Mijn professionele kwaliteiten/vaardigheden
corresponderen met de vereisten van uw bedrijf.**

Khi làm việc ở vị trí..., tôi đã học/tích lũy/mở rộng
kiến thức của mình về lĩnh vực...

Brugt til at demonstrere dine erfaringer indenfor et specielt område og evne til at tilegne dig nye færdigheder

**Tijdens mijn tijd als ..., heb ik mijn kennis van ...
verbeterd/vergroot/uitgebreid.**

Chuyên ngành của tôi là...

Brugt til at vise hvilket arbejdsområde dine hoved egenskaber og erfaringer er

Mijn vakgebied is ...

Khi còn làm việc tại..., tôi đã trau dồi kiến thức và
kĩ năng...

Brugt til at demonstrere dine erfaringer indenfor et specielt område og evne til at tilegne dig nye færdigheder

**Tijdens mijn werk bij ... ben ik zeer bekwaam geworden
in ...**

Kể cả khi làm việc với cường độ cao, tôi không bao
giờ xem nhẹ hiệu quả công việc, và vì thế tôi cảm
thấy mình rất phù hợp với nhu cầu của vị trí...

Brugt til at forklare hvorfor du vil være god til jobbet ved at bruge den erfaring du har opnået fra din tidligere beskæftigelses historie

**Ook in stressvolle situaties verlies ik nauwkeurigheid
niet uit het oog. Daarom ben ik bijzonder geschikt zijn
voor de eisen van ...**

Kể cả khi làm việc dưới áp lực, kết quả công việc
của tôi vẫn luôn đạt yêu cầu.

Brugt til at vise at du kan arbejde i et krævende arbejdsmiljø

**Ook onder druk kan ik hoge kwaliteitsstandaarden
handhaven.**

Và vì vậy, tôi rất muốn có được cơ hội để kết hợp
giữa đáp ứng mối quan tâm cá nhân của mình và
đảm nhận công việc này.

Brugt til at vise at du har en personlig interesse i jobbet

**En daarmee zou ik de mogelijkheid hebben mijn
interesses met deze functie te combineren.**

Tôi rất quan tâm tới... và muốn được trao cơ hội để
mở rộng kiến thức của mình khi làm việc tại Quý
công ty.

Brugt til at vise at du har en personlig interesse i jobbet

**Ik interesseer mij bijzonder voor deze functie en ik zou
de kans om mijn kennis samen met u te kunnen
vergroten zeer waarderen.**

Ansøgning

Motiverende Omslags Brev



Như ông/bà có thể thấy trong hồ sơ tôi đính kèm, kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của tôi rất phù hợp với các yêu cầu mà vị trí này đề ra.

Brugt til at fremhæve dit CV og vise hvor meget arbejdet ville passe dig

Zoals u in mijn cv kunt zien, komen mijn ervaring en mijn vaardigheden overeen met de vereisten van deze functie.

Là... tại công ty..., tôi có cơ hội làm việc theo nhóm trong một môi trường áp lực cao. Nhờ vậy tôi đã rèn luyện được khả năng phối hợp với đồng đội và hoàn thành công việc đúng tiến độ.

Brugt til at vise hvilke færdigheder du har opnået fra dit nuværende job

Mijn huidige baan als ... biedt mij de gelegenheid in een veeleisende werkomgeving te werken, waar een nauwe samenwerking met mijn collega's essentieel is voor het halen van deadlines.

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ của vị trí..., tôi còn có cơ hội rèn luyện các kỹ năng...

Brugt til at vise adskillige færdigheder du har opnået fra dit nuværende job. Færdigheder der normalt ikke forbindes med din erhvervsmæssige titel

Naast mijn verantwoordelijkheden als ... heb ik ook vaardigheden in ... ontwikkeld.

Motiverende Omslags Brev - Færdigheder

Vietnamesisk

Tiếng bản ngữ của tôi là..., và tôi còn có thể sử dụng tiếng...

Brugt til at vise dit modersmål, og andre sprog du er veltalende i

Nederlandsk

... is mijn moedertaal en daarnaast spreek ik ook ...

Tôi có khả năng sử dụng... thành thạo.

Brugt til at vise hvilke andre sprog du kan kommunikere på, på et højt niveau

Ik beschik over een uitstekende beheersing van ...

Tôi có thể sử dụng... ở mức khá.

Brugt til at vise hvilke andre sprog du kan kommunikere på, på et mellem niveau

Ik beschik over een goede beheersing van ...

Tôi có... năm kinh nghiệm trong...

Brugt til at vise din erfaring indenfor et bestemt arbejdsområde

Ik heb ... jaren ervaring als ...

Tôi có thể sử dụng thành thạo...

Brugt til at vise hvilke computer software du kan bruge

Ik beschik over goede kennis van ...

Tôi có khả năng... và...

Brugt til at vise hvor balanceret dine færdigheder er

Ik denk dat ik over de geschikte combinatie beschik van ... en ...

Ansøgning

Motiverende Omslags Brev



Kĩ năng giao tiếp tốt

Evnen til at dele information med og forklare ting til dine kollegaer

Uitstekende communicatieve vaardigheden

Khả năng suy diễn, lý luận

Evnen til at forstå og forklare ting hurtigt og effektivt

Analytisch denkvermogen

Khả năng suy nghĩ logic

Evnen til at fremstille ens ideer på en præcis, gennemtænkt måde

Logisch denkvermogen

Kĩ năng phân tích

Evnen til at opgøre ting i detaljer

Analytische vaardigheden

Kĩ năng ứng xử và tạo lập quan hệ

Evnen til at styre og kommunikere effektivt med kollegaer

Goede intermenselijke vaardigheden

Kĩ năng thương lượng

Evnen til effektivt at forhandle forretnings aftaler med andre virksomheder

Onderhandelingsvaardigheden

Kĩ năng thuyết trình

Evnen til effektivt at kommunikere ideer foran en stor gruppe

Presentatievaardigheden

Motiverende Omslags Brev - Afslutning

Vietnamesisk

Tôi rất mong được đảm nhiệm vị trí này tại Quý công ty và đóng góp qua việc hoàn thành tất cả các nhiệm vụ được giao.

Brugt ved afslutning til at gentage ens ønske om at arbejde for virksomheden

Nederlandsk

Ik ben zeer gemotiveerd en ik verheug me op de veelzijdige werkzaamheden die een functie binnen uw bedrijf mij zouden bieden.

Vị trí này là một thử thách mà tôi rất mong có cơ hội được đảm nhiệm.

Brugt ved afslutning til at gentage ens ønske om at arbejde for virksomheden

Ik zie de nieuwe taken/deze nieuwe functie als een interessante uitdaging, waar ik naar uitkijk.

Tôi rất mong sẽ có cơ hội được thảo luận trực tiếp và cụ thể về vị trí này với ông/bà.

Brugt ved afslutning til at hentyde muligheden om et interview

Graag zou ik verdere details van deze functie in een persoonlijk gesprek met u willen bespreken.

Xin vui lòng xem résumé/CV đính kèm để biết thêm thông tin chi tiết.

Standard formular brugt til at fortælle arbejdsgiveren at dit resumé/CV er vedlagt med omslags brevet

Bijgevoegd vindt u mijn curriculum vitae/cv.

Ansøgning

Motiverende Omslags Brev

Nếu cần, tôi sẵn lòng cung cấp thư giới thiệu từ...

Op verzoek kan ik u mijn referenties van ... toesturen.

Standard formular brugt til at fortælle arbejdsgiveren at du er villig til at skaffe referencer

Nếu ông/bà muốn tìm hiểu thêm, vui lòng liên hệ với người giới thiệu của tôi...

Referenties kunnen worden aangevraagd bij ...

Brugt til at fortælle arbejdsgiveren at du er villig til at skaffe referencer og hvem de kan kontakte for dem

Tôi có thể sắp xếp thời gian để được phỏng vấn vào...

Voor een sollicitatiegesprek ben ik beschikbaar op ...

Brugt til at indikere hvornår du er ledig til et interview

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian xem xét đơn ứng tuyển của tôi. Tôi rất mong có cơ hội được trao đổi trực tiếp với ông bà để thể hiện sự quan tâm và khả năng phục vụ vị trí này. Xin ông/bà vui lòng liên hệ với tôi qua...

Bedankt voor uw tijd en moeite. Graag zou ik mijn geschiktheid voor deze functie in een gesprek nader willen toelichten. U kunt mij bereiken via ...

Brugt til at give ens foretrukken kontaktinformationer og til at takke arbejdsgiveren for at have vurderet din ansøgning

Kính thư,

Formel, modtager navn ukendt

Met vriendelijke groet,

Trân trọng,

Formel, meget brugt, modtager kendt

Met vriendelijke groet,

Kính thư,

Formel, sjældent brugt, modtager navn kendt

Hoogachtend,

Thân ái,

Uformel, mellem forretningspartnere der er på fornavne

Met de beste groeten,